

PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ VIỆC ỨNG DỤNG PHẦN MỀM SCHOOLGY ĐỂ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH KỸ NĂNG NGHE

Trần Thị Thanh Thảo*; Lê Thị Hồng Phương

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 04/07/2019; Hoàn thành phản biện: 22/08/2019; Duyệt đăng: 25/12/2019

Tóm tắt: Nhiều nghiên cứu hiện nay về những biến đổi từ mô hình lớp học truyền thống sang lớp học kết hợp đã được thực hiện và thu nhận được nhiều kết quả ý nghĩa trên nhiều phương diện khác nhau. Vì vậy, nhận thức được những lợi ích của các công cụ công nghệ, và vai trò của đánh giá quá trình đối với giáo dục, bài báo này trình bày kết quả khảo sát phản hồi của sinh viên khoa Tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đối với việc ứng dụng Schoology nhằm đánh giá quá trình kỹ năng Nghe. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi và phỏng vấn sau đó được phân tích và trình bày dưới dạng bảng và trích dẫn. Kết quả cho thấy rằng hầu hết sinh viên khẳng định vai trò của hệ thống quản lý học trực tuyến trong việc nâng cao kỹ năng học tập theo nhóm và độc lập nhằm củng cố kiến thức. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự ngăn trở đối với sinh viên là do những khó khăn về kỹ năng máy tính và giao tiếp trong nhóm.

Từ khóa: Đánh giá quá trình, hệ thống quản lý học trực tuyến, phương pháp học tập kết hợp

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học đã áp dụng phương pháp học tập kết hợp giữa lớp học truyền thống và lớp học trực tuyến (Garrison & Vaughan, 2008). Nghiên cứu về phương pháp học tập, Bransford và cộng sự (2000) đã kết luận rằng môi trường học tập tốt là môi trường thiên về phương pháp lấy người học, kiến thức và kiểm tra, đánh giá làm trung tâm. Tuy nhiên, làm thế nào để áp dụng phương pháp học tập kết hợp vào quá trình dạy và học hiệu quả là một câu hỏi mà nhiều nhà nghiên cứu vẫn đang tiếp tục nghiên cứu. Ngày nay, nhiều nghiên cứu về những biến đổi từ mô hình lớp học truyền thống sang lớp học kết hợp đã được thực hiện và thu nhận được nhiều kết quả ý nghĩa trên nhiều phương diện khác nhau.

Nghiên cứu của Baleni (2015) được thực hiện tại trường Đại học ở Eastern Cape nhằm nghiên cứu đánh giá quá trình trực tuyến được thực hiện như thế nào trong quá trình dạy và học cũng như những lợi ích gì được mang lại cho người dạy và học. Nghiên cứu thu thập số liệu thông qua bảng câu hỏi đối với giáo viên và sinh viên về đánh giá quá trình dưới sự hỗ trợ công cụ trực tuyến (Blackboard) được thực hiện như thế nào. Nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết hợp với các công cụ trực tuyến như thảo luận nhóm, bài kiểm tra khách quan được sử dụng. Theo kết quả nghiên cứu, lợi ích mà người học nhận được bao gồm nâng cao tinh thần gắn kết của sinh viên trong hoạt động trực tuyến, đưa và nhận phản hồi nhanh chóng, tính linh hoạt về thời gian và không gian nhằm nâng cao chất lượng những hoạt động kiểm tra, đánh giá, đồng thời người dạy có thể giảm đi thời gian chấm điểm và tiết kiệm được các chi phí quản lý khác.

* Email: tttthao_dhnn@hueuni.edu.vn

Ở môi trường học Việt Nam, Nguyễn Việt Anh (2017) đã tiến hành nghiên cứu tại một trường Đại học Việt Nam nhằm xây dựng một mô hình kết hợp lớp học truyền thống và trực tuyến chú trọng vào kiểm tra đánh giá định kỳ ở mức độ môn học nhằm phân tích và đánh giá tác động của những ứng dụng công nghệ như một đột phá trong việc đánh giá định kỳ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng hoạt động đánh giá định kỳ hiệu quả hơn khi được hỗ trợ bởi công nghệ ví dụ như hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến. Nghiên cứu này đã mở ra khả năng sử dụng mô hình học kết hợp lấy đánh giá định kỳ làm trung tâm ở cấp độ môn học bằng cách sử dụng kết hợp hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến với phương pháp giảng dạy truyền thống.

Năm 2017, nghiên cứu được thực hiện bởi McCarthy (2017) nhằm tìm hiểu về mức độ hài lòng của mô hình đánh giá quá trình ở bậc đại học. Kinh nghiệm chia sẻ từ người học cho thấy rằng hầu hết người học phản hồi tích cực với việc đưa ra nhận xét, phản biện cho bạn mình, đồng thời nhận lại những nhận xét, góp ý từ nhiều nguồn khác nhau. Một điều dễ hiểu là những nhận xét từ người dạy vẫn là hình thức đánh giá quá trình phổ biến nhất được sử dụng trong cả hai khóa học bởi vì người học vẫn xem người dạy là những chuyên gia trong lĩnh vực đó, cũng như là người đánh giá chính đối với bài tập của họ, vì vậy ý kiến của người dạy vẫn được chú trọng hơn. Đối với nhận xét từ những bạn đồng môn, hầu hết sinh viên yêu thích đưa và nhận góp ý thông qua ứng dụng The Café. Nhận xét từ người học ở môi trường trực tuyến thông thường chi tiết, mang tính phản biện hơn những nhận xét tại lớp, và cũng thống nhất với những tiêu chí đánh giá hơn. Nhiều sinh viên cảm thấy không thoải mái khi tham gia góp ý cho bạn mình trực tiếp trên lớp về bài làm của họ, vì vậy những đóng góp trực tiếp trên lớp chỉ nên chú trọng vào những ý kiến tổng quát hơn là phân tích sâu về chất lượng bài làm của bạn đồng môn. Tuy nhiên, sinh viên cảm thấy thoải mái hơn khi tham gia đóng góp ý kiến về công việc của bạn mình ở môi trường học trực tuyến. Điều này phù hợp với ý kiến của Rambe (2012) rằng tương tác giữa hai người học cùng ở môi trường trực tuyến có thể vượt qua được những rào cản như là khó khăn về ngôn ngữ, hay những rào cản về mặt xã hội.

Bên cạnh đó, việc kiểm tra đánh giá luôn được xem là một trong những hoạt động quan trọng trong quá trình dạy và học. Khi nhắc đến việc kiểm tra, đánh giá, hầu hết người học và dạy thường nghĩ đến những căng thẳng của kỳ thi cuối kỳ, hoặc những áp lực của những điểm số. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc đánh giá quá trình thực sự cần thiết trong việc giảng dạy ngôn ngữ (Gattullo, 2000; Hwang & Chang, 2011; Lawton et al, 2012). Người ta đã nhận thức được những tác động tích cực từ việc đánh giá quá trình tiến hành song song với quá trình học của sinh viên, tuy nhiên những nghiên cứu trong những năm gần đây cho thấy kiểm tra, đánh giá vẫn còn phụ thuộc nhiều vào đánh giá tổng kết. Nguyên nhân đa phần là do việc quản lý hoạt động đánh giá quá trình khá phức tạp, và khó thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin như hiện nay thì việc dạy và học ngôn ngữ cần được phát triển theo hướng chú trọng vào đánh giá quá trình dưới sự hỗ trợ của hệ thống quản lý trực tuyến nhằm giảm bớt áp lực thi cử cho người học, cũng như nâng cao chất lượng giảng dạy. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ giới thiệu mô hình kết hợp lớp học truyền thống và lớp học trực tuyến nhằm đánh giá quá trình dựa trên hỗ trợ của ứng dụng Schoology. Mô hình sẽ đưa ra những hoạt động đa dạng trong khóa học nhằm đánh giá, nhận xét quá trình với hy vọng có thể nhận được những phản hồi tích cực từ người học và đồng thời đánh giá vai trò của công nghệ thông tin nói chung trong việc đánh giá quá trình nhằm đạt được những mặt tích cực

trong học tập. Đồng thời, nghiên cứu hy vọng góp phần khuyến khích, phát triển việc ứng dụng đánh giá quá trình dưới sự hỗ trợ hệ thống quản lý trực tuyến cụ thể là phần mềm Schoology không chỉ đối với Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, mà còn đối với những khoa thành viên trong trường.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Kiểm tra, đánh giá quá trình

Đánh giá quá trình được thiết kế nhằm kiểm soát những phát triển của người học và nhằm cung cấp những nhận xét và hỗ trợ cho quá trình học (Black & William, 1998). Đánh giá quá trình có thể giúp người học xác định điểm mạnh và điểm yếu của mình, và chú trọng vào những lĩnh vực cần cải thiện nhiều hơn. Vì vậy, đánh giá quá trình có thể giúp người dạy xác nhận những lĩnh vực mà người học đang cần giúp đỡ, và chỉ ra những vấn đề kịp thời. Đánh giá quá trình bao gồm nhiều quá trình đánh giá được người dạy sử dụng trong suốt quá trình dạy và học nhằm nâng cao kết quả của người học. Nó chủ yếu bao gồm nhận xét định tính chú trọng vào những sản phẩm của người học, và cung cấp những cơ hội nhằm phát triển hơn nữa những sản phẩm đó (Huyta, 2010). Đánh giá quá trình không được tính điểm, ngược lại, đánh giá tổng kết nhằm quản lý kết quả cuối cùng, tổng kết những sản phẩm của người học tại một thời điểm nhất định và là một hoạt động được tính điểm (Shepard, 2005).

Đánh giá quá trình thông thường được xem là một hoạt động ý nghĩa trong quá trình học trong nhiều trường đại học, và những nhận xét này là một phần quan trọng trong quá trình kiểm tra, đánh giá trong khía cạnh nâng cao chất lượng người học (Lunt & Curran, 2010; Nicol, Thomson, Breslin, 2014). Hơn nữa, những nhận xét chất lượng và hợp lý trong đánh giá quá trình là một nhân tố quan trọng để cải thiện quá trình học đồng thời phát triển mối quan hệ giữa người dạy - người học, giữa người học với nhau (Crook, Mauchline, Maw et al., 2012; Irons, 2008). Gould và Day (2013) nhận định rằng những nhận xét, đánh giá hợp lý từ người dạy sẽ cung cấp những nền tảng để phát triển tính tự lập của người học. Merry và Orsmond (2008) chỉ ra rằng những nhận xét, đánh giá nên gắn bó mật thiết với những hoạt động mà người học đã thực hiện được dựa trên phương diện khách quan, các tiêu chí đánh giá và những tiêu chuẩn có sẵn (Nicol & MacFarlane-Dick, 2006), và cũng nên đúng thời điểm, chi tiết, cụ thể. Mặc dù những nghiên cứu gần đây đã phác thảo tầm quan trọng của nhận xét chất lượng và đúng thời điểm, nhưng cách thức đưa ra nhận xét, đánh giá hiệu quả cũng như việc gắn liền người học vào quá trình kiểm tra, đánh giá vẫn được coi là một trong những khó khăn chung ở nhiều nơi trên thế giới (Crook et al, 2012; Merry & Orsmond, 2008). Đối với nhiều người học hiện nay, những nhận xét, đánh giá dường như được cung cấp quá muộn, quá mơ hồ, và không thống nhất. Đối với người dạy, việc đưa ra nhận xét, đánh giá quá trình là một quá trình lặp lại và thông thường rất mất thời gian, đặc biệt trong những lớp có số lượng lớn học viên. Vì vậy đưa ra đánh giá quá trình hợp lý, hiệu quả là một hoạt động không dễ để đạt được. Trong nghiên cứu của mình vào năm 2004 về những điều kiện để kiểm tra, đánh giá hỗ trợ quá trình học, Gibbs và Simpson đã đưa ra sáu yếu tố có thể giúp nhận xét, đánh giá có thể ảnh hưởng tích cực đến sản phẩm của người học:

- Đánh giá phải đầy đủ, thường xuyên, và chi tiết;
- Đánh giá phải chú trọng vào việc thể hiện của người học, vào quá trình học của họ, và vào những hoạt động dưới sự kiểm soát của người học hơn là chính bản thân người học;
- Đánh giá cần được thực hiện đúng lúc;
- Đánh giá phải phù hợp với mục tiêu, với những tiêu chí của việc kiểm tra, đánh giá;
- Đánh giá phải phù hợp với nhận thức của người học đối với quá trình học, đối với kiến thức và đối với ngữ cảnh;
- Đánh giá phải được quan tâm và thực hiện sau đó.

2.2. Mô hình kết hợp lớp học truyền thống và lớp học trực tuyến (Blended learning)

Sự phát triển không ngừng của Internet đang đưa chúng ta đến với những sự đổi mới và kết hợp những môi trường học mới trong giáo dục đại học đương thời. Việc kết hợp môi trường học tập trực tuyến vào khung chương trình đang dần trở nên phổ biến. Từ những hệ thống quản lý giáo dục chính quy và có tính xây dựng sẵn như Moodle hoặc Blackboard, cho đến những mạng xã hội như Facebook, Twitter và Flickr, nhiều trường đại học trên thế giới đang kết hợp việc học trực tuyến vào khóa học của họ, sử dụng phương pháp kết hợp lớp học truyền thống và lớp học trực tuyến được gọi tắt là phương pháp học tập kết hợp. Phương pháp học tập này là một hệ thống ở đó người học tương tác với tài liệu khóa học, với người dạy và với bạn cùng học thông qua môi trường học tập truyền thống và trực tuyến (Graham, 2006). Phương pháp học tập kết hợp được xem như là một bước chuyển biến mang tính đột phá (Garrison & Vaughan, 2008) như một kết quả của những hệ thống tiếp cận trực tuyến đang ngày càng gia tăng ở các trường đại học, và bởi vì nó có thể đưa ra tương tác với người học trong những lớp học với số lượng sinh viên lớn tốt hơn thông qua môi trường học tập linh hoạt hơn (Gedik, Kiraz & Ozden, 2013). Phương pháp này đang dần trở thành một phần không thể thiếu trong giáo dục trên nhiều lĩnh vực khác nhau (Pektas & Gurel, 2014); tuy nhiên để tạo ra được môi trường kết hợp hiệu quả không phải đơn giản chỉ là sự kết hợp giữa môi trường học tập trực tuyến và học tập truyền thống trong một khóa học. Vì vậy xem xét mục đích học tập của khóa học là gì, và chọn lọc cẩn thận môi trường học tập trực tuyến hợp lý nhất là điều cần thiết.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một mô hình khóa học chú trọng vào đánh giá quá trình bằng cách sử dụng lớp học truyền thống kết hợp với hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến (Learning Management System), cụ thể là Schoology. Schoology là hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến phù hợp với giáo dục phổ thông nhằm cải thiện, kiểm tra, đánh giá kiến thức của người học, thúc đẩy môi trường học hợp tác, và hình thành phương pháp học mang tính cá nhân. Mặc dù ngày nay nhiều giao diện giáo dục trực tuyến được sử dụng đối với giáo dục đại học, Schoology được lựa chọn vì giao diện đơn giản, thân thiện với người học và người dạy, hệ thống chấm điểm tự động, bản luận trực tuyến theo nhóm được xem là đặc biệt thích hợp đối với người học chưa có nhiều kinh nghiệm học trực tuyến như sinh viên năm 1, đối với lớp học kỹ năng ngôn ngữ, và đối với mục đích kiểm tra, đánh giá quá trình.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu như đã được nêu trên, chúng tôi đề xuất những câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với việc sử dụng phần mềm Schoology trong việc đánh giá quá trình đối với giảng dạy kỹ năng Nghe cho sinh viên năm 1 được thể hiện như thế nào?
2. Những khó khăn sinh viên gặp phải khi sử dụng phần mềm Schoology trong việc đánh giá quá trình đối với kỹ năng Nghe cho sinh viên năm 1 là gì?

Khách thể nghiên cứu là 60 sinh viên chuyên ngữ năm 1 tham gia học kỹ năng Nghe ở Khoa Tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã sử dụng ứng dụng hệ thống quản lý giáo dục Schoology trong việc hỗ trợ kiểm tra, đánh giá định kỳ trong học kỳ II năm học 2017-2018.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một mô hình khóa học chú trọng vào đánh giá quá trình bằng cách sử dụng lớp học truyền thống kết hợp với hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến, cụ thể là Schoology. Những yếu tố được sử dụng để xây dựng mô hình khóa học bao gồm chương trình học, hoạt động học, lộ trình học và kiểm tra, đánh giá. Chương trình học bao gồm 15 tuần học, và bao gồm nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như bài tập nghe hàng tuần, bài kiểm tra hàng tháng, và hoạt động nhóm.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và định tính. Đối với phương pháp nghiên cứu định lượng bằng hỏi khảo sát được phát cho sinh viên nhằm khảo sát về mức độ hài lòng về việc ứng dụng chương trình học chú trọng vào việc đánh giá quá trình dưới sự hỗ trợ của hệ thống quản lý trực tuyến (Schoology). Đối với phương pháp nghiên cứu định tính, phỏng vấn cá nhân được thực hiện đối với 5 sinh viên nhằm hiểu sâu hơn về những phản hồi của sinh viên cũng như những khó khăn và vấn đề gặp phải trong khi ứng dụng phần mềm Schoology vào việc đánh giá quá trình từ góc nhìn của người học ngôn ngữ.

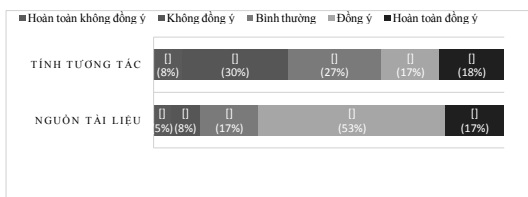
4. Kết quả nghiên cứu

Các kết quả có được của nghiên cứu này được chia ra làm ba phần chính: (1) phản hồi của sinh viên đối với hoạt động nhóm, (2) phản hồi của sinh viên đối với bài tập hàng tuần và bài kiểm tra hàng tháng, (3) những khó khăn đối với việc ứng dụng Schoology trên phương diện người học.

4.1 Hoạt động nhóm trên Schoology (Group discussion)

4.1.1. Nguồn tài liệu và tính tương tác trong hoạt động nhóm

Căn cứ vào Biểu đồ 1, 70% (42 trên 60) sinh viên đồng ý với ý kiến “Tôi cảm thấy được trải nghiệm với nhiều thể loại tài liệu khác nhau trong kỹ năng Nghe”. Tuy nhiên, đối với ý kiến “Khi làm việc theo nhóm, tôi cảm thấy dễ dàng giao tiếp với các bạn trong nhóm”, 65% sinh viên bày tỏ phản hồi trái chiều và trung tính đối với ý kiến trên. Những kết quả ở Biểu đồ 1 thể hiện rằng đa số người tham gia nghiên cứu có phản hồi tích cực đối với nguồn tài liệu được chia sẻ trong nhóm nhằm hỗ trợ sự phát triển ngôn ngữ của người học, tuy nhiên chưa thực sự đánh giá cao đối với tính tương tác khi học tập và tham gia đánh giá quá trình ở Schoology.

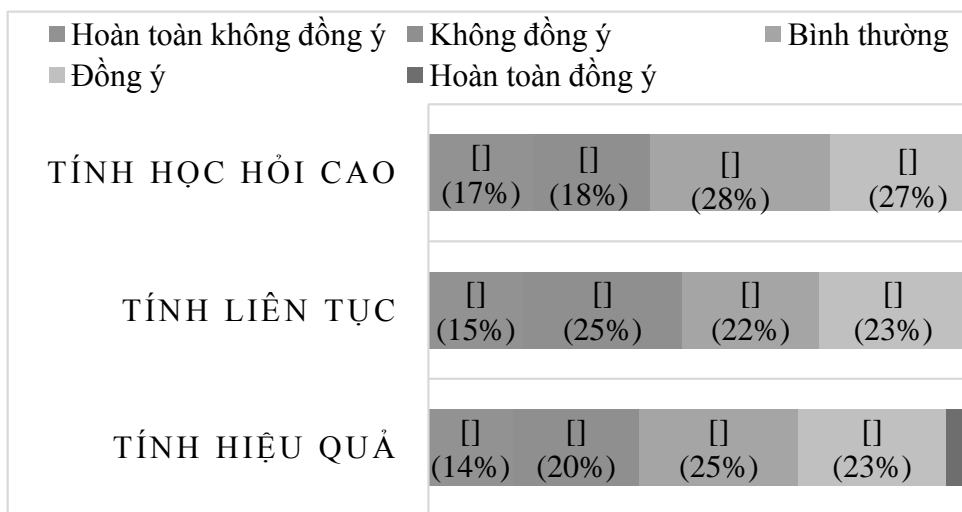


Biểu đồ 1. Phản hồi của sinh viên về nguồn tài liệu và tính tương tác trong hoạt động nhóm

Thông qua kết quả khảo sát định lượng từ phỏng vấn cá nhân, 3 trong số 5 sinh viên chia sẻ rằng hoạt động nhóm mang tính tương tác cao nhằm góp phần vào việc xây dựng môi trường học tập thân thiện trong lớp học, đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, học hỏi lẫn nhau. Tuy nhiên, rào cản về kỹ năng giao tiếp và lo ngại về khác biệt trình độ khiến người học chưa thực sự tự tin trong giao tiếp đối với hoạt động nhóm. Ngoài ra, một sinh viên tham gia phỏng vấn đánh giá cao tính đa dạng của nguồn tài liệu được chia sẻ trong hoạt động nhóm, ví dụ như đa dạng về thể loại, nội dung, và nhiều ngữ điệu khác nhau của tiếng Anh trên thế giới.

4.1.2. Góp ý từ những người cùng học, và tiếp nhận góp ý từ bạn cùng học (feedback receipt & production)

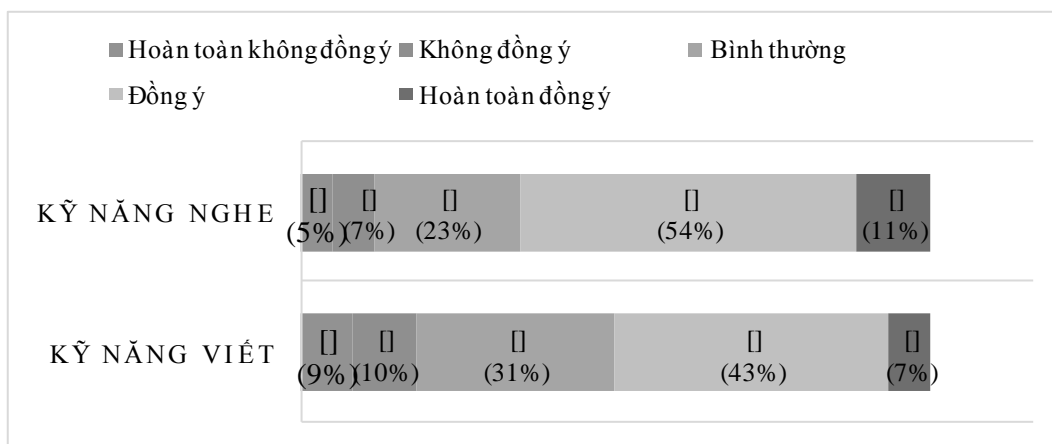
Đối với tiêu chí đưa ra và tiếp nhận phản hồi từ bạn cùng lớp, dựa vào những phản hồi của sinh viên gần như tương đồng đối với ý kiến tích cực, trung tính, và tiêu cực, điều này cho thấy rằng không có phản hồi rõ ràng đối với khía cạnh này. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 2 cho thấy rằng người học chưa thật sự cảm nhận tích cực đối với hoạt động đưa ra và tiếp nhận phản hồi giữa người học cùng.



Biểu đồ 2. Phản hồi của sinh viên về việc đưa ra, và tiếp nhận góp ý từ những người cùng học

4.1.3. Phát triển ngôn ngữ

Dựa vào số liệu từ Biểu đồ 3 có thể nhận thấy rằng người học đánh giá cao lợi ích của hoạt động nhóm đối với sự phát triển ngôn ngữ của mình, đặc biệt không những đối với kỹ năng Nghe chính là kỹ năng Nghe mà còn đối với kỹ năng phụ là kỹ năng Viết. Mặc dù 65% người tham gia vào nghiên cứu có phản hồi tích cực hơn đối với kỹ năng Nghe, số lượng sinh viên cảm nhận được lợi ích của hoạt động nhóm đối với việc phát triển kỹ năng Viết cũng khá lớn (50%). Người tham gia phỏng vấn chia sẻ rằng họ cần phải giao tiếp với bạn cùng nhóm bằng tiếng Anh thông qua những phản hồi, góp ý trong nhóm nên điều đó giúp họ cải thiện được kỹ năng Viết của mình.



Biểu đồ 3. Phản hồi của sinh viên về phát triển khả năng ngôn ngữ

4.2. Bài tập hàng tuần/ Bài kiểm tra hàng tháng

4.2.1. Nguồn tài liệu

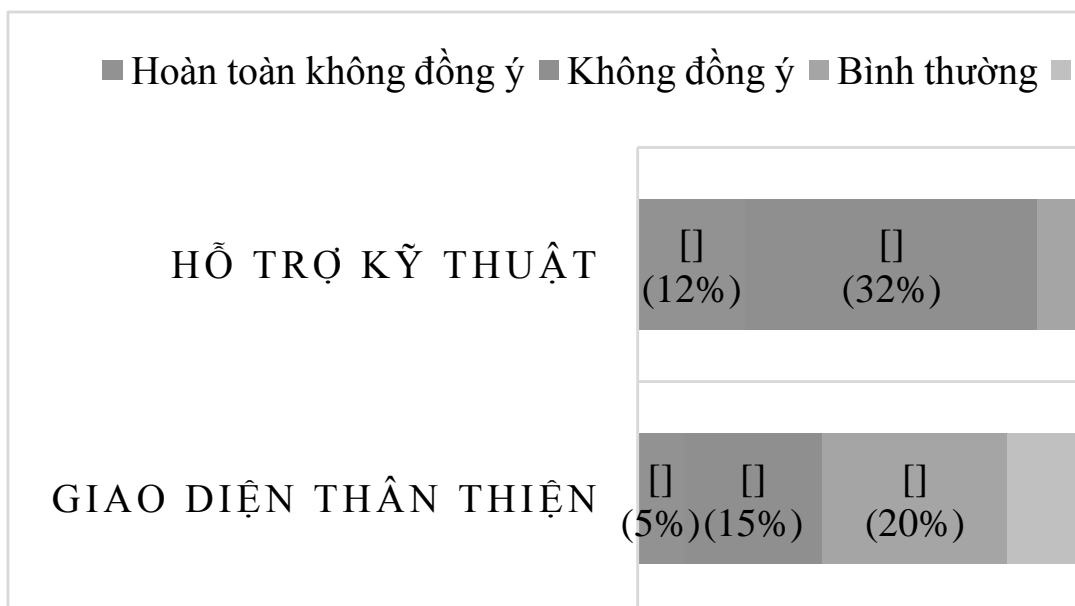
Bảng 1 cho thấy rằng 73% sinh viên đánh giá cao vai trò của bài tập hàng tuần đối với việc cung cấp nguồn tài liệu học tập cần thiết giúp cho sinh viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng Nghe liên tục và thường xuyên trong suốt học kỳ. Bên cạnh đó, 75% người tham gia nghiên cứu khẳng định rằng chức năng được nghe lại nhiều lần trong bài tập hàng tuần giúp người học có thể rèn luyện kỹ năng Nghe theo đúng trình độ của mình. Ngoài ra, 62% sinh viên đồng ý với quan điểm cho rằng nguồn tài liệu trong bài tập hàng tuần góp phần xây dựng môi trường rèn luyện kỹ năng Nghe ít áp lực hơn so với hoạt động Nghe trên lớp và 54% sinh viên chia sẻ rằng bài tập hàng tuần và kiểm tra hàng tháng giúp người học thích nghi với định dạng của bài kiểm tra và bài thi học kỳ.

Bảng 1. Phản hồi của sinh viên về nguồn tài liệu trong bài tập hàng tuần

Nhận định của sinh viên đối với bài tập hàng tuần và bài kiểm tra hàng tháng	Hoàn toàn không đồng ý (1)	Không đồng ý (2)	Bình thường (3)	Đồng ý (4)	Hoàn toàn đồng ý (5)
Thích nghi với định dạng của bài kiểm tra/ bài thi học kỳ	8 (13%)	8 (13%)	12 (20%)	22 (37%)	10 (17%)
Nguồn tài liệu đa dạng để luyện tập kỹ năng Nghe thường xuyên	4 (7%)	5 (8%)	7 (12%)	29 (48%)	15 (25%)
Chức năng nghe lại nhiều lần để rèn luyện kỹ năng Nghe theo đúng trình độ	1 (2%)	8 (13%)	6 (10%)	27 (45%)	18 (30%)
Không gian học tập thân thiện, ít áp lực	7 (12%)	8 (13%)	8 (13%)	27 (45%)	10 (17%)

Ngoài ra, nhằm hiểu rõ hơn phản hồi của sinh viên về hoạt động bài tập hàng tuần và bài kiểm tra hàng tháng, hầu hết sinh viên tham gia phỏng vấn bày tỏ ý kiến cho rằng bài tập và bài kiểm tra trực tuyến mang lại nhiều lợi ích khác, ví dụ như hệ thống chấm điểm đáng tin cậy và nhanh chóng, đa dạng về thể loại câu hỏi, linh hoạt về thời gian và không gian học tập.

4.2.2. Các chức năng cài đặt trên hệ thống Schoology

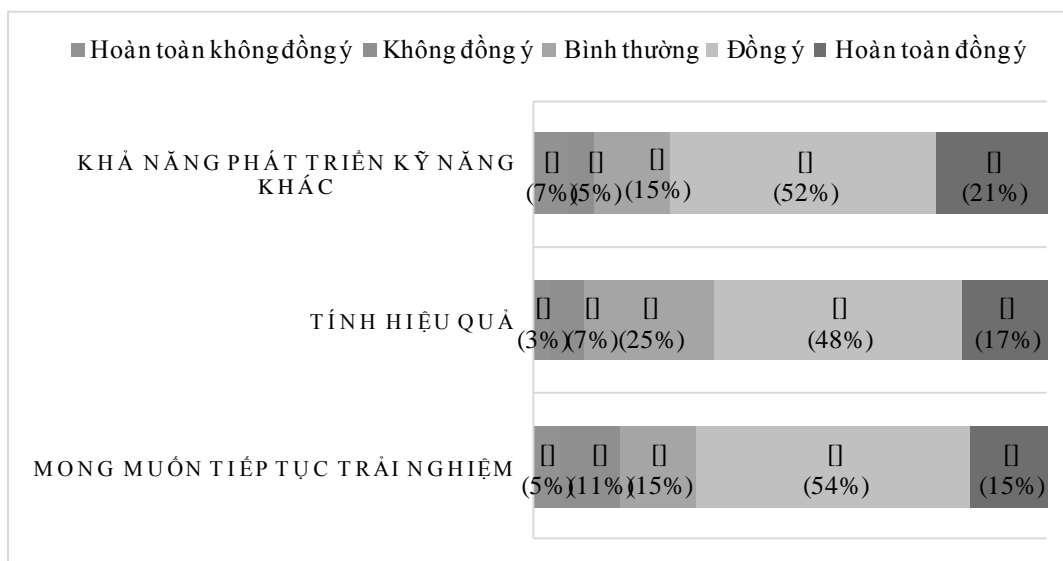


Biểu đồ 4. Phản hồi của sinh viên về các chức năng cài đặt trên hệ thống Schoology

Với kết quả khảo sát theo Biểu đồ 4, 4,68% sinh viên đánh giá cao tính năng dễ truy cập của phần mềm Schoology. Đồng thời, đối với tiêu chí giao diện, 60% người tham gia đồng ý với

ý kiến cho rằng giao diện của phần mềm được thiết kế dễ theo dõi và thực hiện. Bên cạnh đó, phần lớn sinh viên không đánh giá cao chức năng hỗ trợ khi người học gặp phải những khó khăn về vấn đề kỹ thuật khi sử dụng phần mềm giáo dục trực tuyến như Schoology (65%).

4.2.3. Tính hiệu quả của hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến Schoology



Biểu đồ 5. Phân hồi của sinh viên về tính hiệu quả của hệ thống giáo dục trực tuyến Schoology

Thông qua kết quả khảo sát ở Biểu đồ 5, sinh viên nhìn chung có phản hồi tích cực đối với tính hiệu quả của phần mềm Schoology đối với việc đánh giá quá trình kỹ năng Nghe (65%) và thể hiện mong muốn được tiếp tục sử dụng mô hình học này trong tương lai (69%). Đồng thời, người tham gia nghiên cứu khẳng định rằng người học không những có nhiều cơ hội để rèn luyện kỹ năng Nghe mà còn phát triển được nhiều kỹ năng khác sau khóa học. Thông qua những chia sẻ của sinh viên khi tham gia phỏng vấn, người học có cơ hội phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện khi đưa ra phản hồi, góp ý, kỹ năng giao tiếp, tương tác trong hoạt động nhóm.

4.3. Khó khăn khi sử dụng Schoology từ góc độ người học

Dựa vào kết quả khảo sát định lượng từ phỏng vấn cá nhân, những khó khăn của người học khi sử dụng phần mềm Schoology được tóm tắt theo những phần chính sau đây: (1) vấn đề kỹ thuật, (2) kỹ năng giao tiếp với người cùng học, (3) kỹ năng tự quản lý thời gian biểu.

4.3.1. Vấn đề kỹ thuật

Phần lớn sinh viên đưa ra những phản hồi tích cực đối với việc ứng dụng phần mềm Schoology, tuy nhiên hầu hết sinh viên tham gia phỏng vấn cá nhân thừa nhận rằng đôi lúc người học cũng gặp nhiều khó khăn trong việc truy cập Internet, cũng như một số lỗi kỹ thuật trong việc làm bài và nộp bài trực tuyến. Hầu hết sinh viên chia sẻ rằng họ thực sự lúng túng và thiếu kỹ năng trong việc xử lý những vấn đề kỹ thuật trong việc sử dụng phần mềm Schoology đối với đánh giá quá trình bên ngoài lớp học. Lý giải cho khó khăn này, sinh viên cho rằng người học chưa thực sự có nhiều cơ hội để làm quen với những công cụ hỗ trợ học tập trực

tuyển, cũng như kỹ năng về công nghệ thông tin nhằm tự tin để giải quyết những vấn đề kỹ thuật xảy ra trong quá trình học vì thực tế sinh viên vẫn phụ thuộc rất nhiều vào việc kiểm tra tổng kết ở lớp học truyền thống.

4.3.2. Kỹ năng giao tiếp

Mặc dù đa số người tham gia phỏng vấn đánh giá cao lợi ích của hoạt động đưa ra và tiếp nhận góp ý từ những người cùng học đối với việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện và định hình, kích thích hứng thú trong việc học ngôn ngữ, một số sinh viên khi tham gia phỏng vấn cho rằng họ chưa thực sự tự tin vào kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm. Cụ thể, sinh viên chia sẻ họ cảm thấy thiếu kỹ năng để tiếp nhận những góp ý tiêu cực, cũng như trong việc làm thế nào để đưa ra những góp ý mang tính khích lệ để thúc đẩy sự tiến bộ mà không làm tổn thương hay làm giảm động lực học tập của bạn. Lý giải cho việc này sinh viên cho rằng họ cảm thấy rất khó khăn khi đưa ra những nhận xét trái chiều vì lo ngại sẽ làm ảnh hưởng đến mối quan hệ đối với những bạn cùng lứa và lo ngại những góp ý của mình không thực sự chính xác, hiệu quả. Vì vậy, sinh viên thường có xu hướng chọn lựa những góp ý mang tính khen ngợi, tán thành hơn là những bình luận mang tính trái chiều và phản biện.

4.3.3. Kỹ năng tự quản lý thời gian

Đa số người tham gia nghiên cứu nhận thức được rằng nếu đánh giá quá trình được thực hiện trực tuyến, người học sẽ cảm thấy ít áp lực hơn và thoải mái hơn vì tính năng linh động của phần mềm trực tuyến. Tuy nhiên, sinh viên cũng đưa ra ý kiến cho rằng đôi lúc họ gặp khó khăn trong việc tự sắp xếp thời gian biểu cho việc học của mình. Hai trong số năm người tham gia phỏng vấn đã từng không thể hoàn thành bài kiểm tra hàng tháng vì quên ngày đến hạn của bài tập. Bên cạnh đó, một sinh viên chia sẻ vì không thể tự quản lý thời gian biểu cho việc học của mình hợp lý nên chỉ hoàn thành bài tập hằng tuần và hằng tháng gần kề với ngày đến hạn của bài tập nên kết quả nhận được thường không cao, và quá trình rèn luyện kỹ năng Nghe trực tuyến không thực sự đạt hiệu quả. Lý giải cho khó khăn này sinh viên cho rằng người học vẫn còn phụ thuộc vào hình thức kiểm tra tổng kết diễn ra trên lớp học truyền thống và phụ thuộc vào hỗ trợ từ giáo viên, vì vậy người học chưa thực sự được phát triển kỹ năng tự quản lý thời gian học của bản thân, cũng như thể hiện vai trò chủ động và tính trách nhiệm, tự lập trong quá trình học.

5. Thảo luận và đề xuất

Như kết quả nghiên cứu chỉ ra, phần lớn sinh viên có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng phần mềm Schoology trong đánh giá quá trình kỹ năng Nghe. Tuy nhiên, người học vẫn còn gặp phải những khó khăn và thách thức nhất định khi tham gia đánh giá trực tuyến thông qua hệ thống giáo dục trực tuyến.

Phản hồi của sinh viên được tóm tắt theo những ý chính như sau:

- **Hoạt động nhóm:** Người tham gia nghiên cứu đánh giá cao nguồn tài liệu và tính tương tác cao trong khi tham gia hoạt động nhóm. Người học không chỉ phản hồi tích cực đối với sự đa dạng của nguồn tài liệu về nhiều phương diện như thể loại, nội dung, ngữ điệu, mà hoạt động nhóm còn giúp người học tương tác hiệu quả với bạn cùng lứa một cách hiệu quả. Điều đó góp phần thúc đẩy quá trình học hỏi lẫn nhau, cũng như xây dựng môi trường học thân thiện. Ngoài

ra, hoạt động nhóm được đánh giá cao dựa trên phương diện hình thức đưa ra, tiếp nhận góp ý trong nhóm một cách hiệu quả, và phương diện phát triển kỹ năng ngôn ngữ của người học. Tuy nhiên, việc sử dụng hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến đối với đánh giá quá trình còn khá mới lạ, nên bước đầu người học còn gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm, đặc biệt đối với việc đưa ra, tiếp nhận những ý kiến trái chiều, phản biện.

- **Bài tập hằng tuần, bài kiểm tra hàng tháng:** Kết quả định lượng và định tính cho thấy rằng bài tập và kiểm tra trên ứng dụng học trực tuyến cung cấp cho người học nhiều cơ hội, tiện ích để rèn luyện kỹ năng Nghe hiệu quả bên ngoài lớp học. Cụ thể, người học được có nhiều cơ hội làm quen không những với định dạng đề thi cuối kỳ mà còn nhiều định dạng khác nhau, cũng như được luyện tập kỹ năng một cách ít áp lực, thường xuyên với nhiều tiện ích như nghe theo khả năng cá nhân, kết quả nhanh chóng và chính xác. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất người học gặp phải đối với hoạt động này chính những sự cố kỹ thuật trong quá trình làm bài mà không có sự hướng dẫn của giáo viên, và việc thiếu kỹ năng tự quản lý quá trình học của mỗi sinh viên.

- **Tính hiệu quả của ứng dụng Schoology:** Ứng dụng giáo dục trực tuyến Schoology nhìn chung được người học đánh giá có giao diện thân thiện người học, dễ truy cập và dễ theo dõi. Hầu hết người học khẳng định rằng ứng dụng Schoology vào đánh giá quá trình không những giúp họ rèn luyện kỹ năng Nghe mà còn nâng cao triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện khi đưa ra phản hồi, góp ý, kỹ năng giao tiếp, tương tác trong hoạt động nhóm. Tuy nhiên, người tham gia nghiên cứu chưa thực sự đánh giá cao chức năng trợ giúp khi gặp sự cố về kỹ thuật trong quá trình sử dụng ứng dụng để học tập.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- **Phát triển kỹ năng cần thiết:** Người học cần được hướng dẫn chi tiết, và bồi dưỡng thường xuyên về những kỹ năng mềm như kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng quản lý thời gian trước khi tham gia học tập trực tuyến. Những kỹ năng này cần được phát triển liên tục trong lớp học truyền thống thông qua nhiều hoạt động khác nhau.

- **Phổ biến các khóa học trực tuyến:** Cùng với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin ngày nay, người học cần được làm quen, tiếp tục được học tập, kiểm tra đối với nhiều môn học khác nhau trên các ứng dụng giáo dục trực tuyến, từ đó các kỹ năng sẽ được trau dồi và phát triển.

- **Hỗ trợ từ giáo viên:** Mặc dù việc học tập trực tuyến cần vai trò tích cực của người học, giáo viên hay người hướng dẫn cần có những hỗ trợ phù hợp đối với người học, đặc biệt trong thời gian đầu làm quen, hoặc đối với những sinh viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng công nghệ thông tin hằng ngày.

6. Kết luận

Việc ứng dụng phần mềm Schoology đối với đánh giá quá trình kỹ năng Nghe cho sinh viên chuyên ngữ năm I đã nhận được những phản hồi tích cực trên nhiều phương diện khác nhau. Kết quả định tính và định lượng cho thấy rằng hệ thống giáo dục trực tuyến có thể cung cấp những hỗ trợ cần thiết nhằm tạo ra môi trường học mang tính tương tác cao, môi trường

củng cố kiến thức hiệu quả. Đồng thời, mô hình này còn góp phần thúc đẩy kỹ năng học tập hợp tác, và phát triển vai trò chủ động của người học trong quá trình học tập khiến người học có trách nhiệm hơn đối với việc học của mình. Tuy nhiên, dựa vào chia sẻ từ phỏng vấn cá nhân, người học gặp nhiều khó khăn đối với những vấn đề liên quan đến kỹ thuật, cũng như khó khăn khi thiếu các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian học tập. Nghiên cứu này mong muốn đóng góp vào việc phát triển vai trò của hệ thống giáo dục trực tuyến trong đánh giá quá trình, đồng thời đưa ra những đề xuất trên phương diện giáo dục nhằm phục vụ cho những nghiên cứu sau.

Tài liệu tham khảo

- Baleni, G.Z. (2015). Online formative assessment in higher education: Its pros and cons. *Electronic Journal of E-Learning*, 13(4), 228-236.
- Black, P., & Wiliam, D. (1998). Assessment and classroom learning. *Assessment in Education: Principles, Policy and Practice*, 5(1), 7-74.
- Bransford, J., & National Research Council (2000). Committee on developments in the science of learning. *How people learn brain, mind, experience, and school* (Expanded ed). Washington, D.C.: National Academy Press.
- Crook, A. et al. (2012). The use of video technology for providing feedback to students: Can it enhance the feedback experience for staff and students?. *Computers & Education*, 58(1), 386-396.
- Garrison, R., & Vaughan, H. (2008). *Blended learning in higher education: Framework, principles and guidelines*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Gattullo, F. (2000). Formative assessment in primary (Elementary) ELT classes: An Italian case study. *Language Testing*, 17(2), 278-288.
- Gedik, N., Kiraz, E., & Ozden, M.Y. (2013). Design of a blended learning environment: Considerations and implementation issues. *Australasian Journal of Educational Technology*, 29(1), 1-19.
- Gibbs, G., & Simpson, C. (2004). Conditions under which assessment supports learning. *Learning and Teaching in Higher Education*, 1(1), 3-31.
- Gould, J., & Day, P. (2013). Hearing you loud and clear: Student perspectives of audio feedback in higher education. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 38(5), 554-566.
- Graham, C. (2006). Blended learning systems: Definitions, current trends and future directions. In C. Bonk & C. Graham (Eds.), *The handbook of blended learning: Global perspectives, local designs* (pp. 3-21). San Francisco, CA: John Wiley & Sons.
- Huyta, A. (2010). Diagnostic and formative assessment. In B. Spolsky & F. Hult (Eds.), *The handbook of educational linguistics* (pp. 469-482). Oxford: Blackwell.
- Hwang, G.J., & Chang, H.F. (2011). A formative assessment-based mobile learning approach to improving the learning attitudes and achievements of students. *Computers & Education*, 56(4), 1023-1031.
- Irons, A. (2008). *Enhancing learning through formative assessment and feedback: Key guides for effective teaching in higher education*. Abingdon: Routledge.
- Lawton, D. et al. (2012). Online learning based on essential concepts and formative assessment. *Journal of Engineering Education*, 101(2), 244-287.
- Lunt, T., & Curran, J. (2010). Are you listening please?. The advantages of electronic audio feedback compared to written feedback. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 35(7), 759-769.
- McCarthy, J. (2017). Enhancing feedback in higher education: Students' attitudes towards online and in-class formative assessment feedback models. *Active Learning in Higher Education*, 18(2), 127-141.
- Merry, S., & Orsmond, P. (2008). Students' attitudes to and usage of academic feedback provided via audio files. *Bioscience Education*, 11, 1-11.
- Nguyen Viet Anh (2017). Towards the implementation of an assessment-centred blended learning framework at the course level: A case study in a Vietnamese National University. *International Journal of Information and Learning Technology*, 34(1), 20-30.
- Nicol, D., & MacFarlane-Dick, D. (2006). Formative assessment and self-regulated learning: A model and seven principles of good feedback practice. *Studies in Higher Education*, 31(2), 199-218.

- Nicol, D., Thomson, A., & Breslin, C. (2014). Rethinking feedback practices in higher education: A peer review perspective. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 39(1), 102-122.
- Pektas, S., & Gurel, M. (2014). Blended learning in design education: An analysis of students' experiences within the disciplinary differences framework. *Australasian Journal of Educational Technology*, 30(1), 31-44.
- Rambe, P. (2012). Critical discourse analysis of collaborative engagement in *Facebook* postings. *Australasian Journal of Educational Technology*, 28(2), 295-314.
- Shepard, L. (2005). Formative assessment: Caveat emptor. *Proceedings of the ETS invitational conference, the future of assessment: Shaping teaching and learning*. New York.

AN INVESTIGATION INTO THE STUDENTS' REFLECTION ABOUT THE USE OF SCHOOLGY IN FORMATIVE ASSESSMENT: A CASE STUDY IN A VIETNAMESE UNIVERSITY

Abstract: This study aims to investigate the reflections of students at English Department – University of Foreign Languages, Hue University (HUFL) towards the use of Schoology in formative assessment for listening skill. The study involved 60 first-year students in English Department and used a mixed methods approach collecting data from a paper-based survey, semi-structured interviews. The findings show that the students positively perceived the use of formative assessment through the online learning platform of Schoology. In addition, the findings suggest that the online learning platform can provide appropriate scaffolding for the students in this study to engage in the process of interactive learning and knowledge construction, which greatly promotes collaborative and learner-centered language learning communities. In terms of the difficulties, the students' lack of technical skills and social-communication strategies are perceived to be the common challenges.

Keywords: Blended learning, formative assessment, learning management system